

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 66/TTr-SCT ngày 17 tháng 10 năm 2025 (sau khi tổng hợp ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan) và báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 2941/BC-STP ngày 14 tháng 10 năm 2025; thực hiện kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 27 tháng 10 năm 2025 (Thông báo số 576/TB-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định một số nội dung liên quan trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quy định một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ được phân định thẩm quyền tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

1. Giải thích từ ngữ theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75ha và không dưới 10ha. Riêng đối với cụm công nghiệp làng nghề có quy mô diện tích không vượt quá 75ha và không dưới 05ha.

2. Nội dung chủ yếu của phương án phát triển cụm công nghiệp theo điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch; dự báo nhu cầu mặt bằng của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các cụm công nghiệp, khả năng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh; dự báo nhu cầu lao động làm việc tại các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.

3. Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Có sự điều chỉnh quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và phù hợp với hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng, khả năng cho thuê của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã.

4. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp theo điểm a, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Có trong Danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quỹ đất đáp ứng đủ diện tích đề xuất thành lập cụm công nghiệp.

Trong trường hợp địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 50ha. Trường hợp cụm công nghiệp đã thành lập nằm trên địa giới hành chính từ 02 phường, xã trở lên thì tỷ lệ này tính cho địa bàn các xã, phường có cụm công nghiệp.

5. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Tổng diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75ha; có quỹ đất đáp ứng đủ diện tích đề xuất mở rộng cụm công nghiệp.

6. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì diện tích cụm công nghiệp đó nằm trên địa bàn xã (phường)

nào nhiều hơn thì giao Ủy ban nhân dân xã (phường) đó chủ trì trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp; Ủy ban nhân dân xã (phường) còn lại có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến để Ủy ban nhân dân xã (phường) chủ trì tổng hợp, trình; trường hợp diện tích cụm công nghiệp đó nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã bằng nhau, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tiễn giao đơn vị chủ trì.

7. Trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo khoản 4 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương 01 bản.

Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp xã, diện tích tăng không quá 05ha so với quy hoạch đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời cập nhật nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh tiếp theo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KT₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà